

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU PHONG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 01/2018/DS-ST

Ngày 03-4-2018

*“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng
giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Văn C
và bà Nguyễn Thị L”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU PHONG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Phước.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngải và ông Nguyễn Như Tân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Tiến Lực – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Phong: Bà Nguyễn Thị Lệ An – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại Hội trường tiểu khu 2, thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị; Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam.

Địa chỉ: Số 108 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền có bà Trần Thị Thanh T – Phó Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Quảng Trị (văn bản ủy quyền số 905/QĐ-HĐQT-NHCT18 ngày 25/11/2016 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam); có mặt.

Địa chỉ Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần C Quảng Trị: Số 236 Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1988.

Nơi cư trú: Thôn An Tiêm, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2017, biên bản xác nhận dư nợ ngày 15/3/2018 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L và bên cho vay là Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam – Chi nhánh Quảng Trị đã ký kết các hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 110602/2015-HĐTD/NHCT 450 ngày 12/06/2015 với số tiền vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua nhà ở, mức lãi suất 10,5%/năm. Dư nợ gốc tính đến ngày 03/4/2018 là 170.200.000 đồng; tiền lãi là 24.192.278 đồng (trong đó lãi trong hạn 14.359.675 đồng, quá hạn 9.832.603 đồng).

Hợp đồng tín dụng số 1902/2016-HĐTD/NHCT 450 ngày 19/02/2016 với số tiền vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay vốn để mua đồ dùng gia đình, mức lãi suất 10,5%/năm. Dư nợ gốc tính đến ngày 03/4/2018 là 16.000.000 đồng, số tiền lãi là 2.211.778 đồng (trong đó lãi trong hạn 2.042.388 đồng, quá hạn 169.390 đồng).

Hợp đồng tín dụng số 2608/2016-HĐTD/NHCT 450 ngày 26/08/2016 với số tiền vay 40.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn mua sắm thiết bị gia đình, mức lãi suất 10,5%/năm. Dư nợ gốc tính đến ngày 03/4/2018 là 38.000.000 đồng, số tiền lãi là 5.239.500 đồng (trong đó lãi trong hạn 4.117.750 đồng, quá hạn 1.121.750 đồng).

Tổng cộng cả gốc và lãi mà vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam – Chi nhánh Quảng Trị tính đến ngày 03/4/2018 là 255.843.556 đồng (trong đó bao gồm số tiền gốc 224.200.000 đồng và tiền lãi 31.643.556 đồng)

Để đảm bảo khoản tiền vay cho các hợp đồng tín dụng trên, vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L đã ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị hợp đồng thế chấp số 110602/2015/HĐTC ngày 11/06/2015, tài sản thế chấp gồm: Đất ở tại nông thôn, đất trồng cây hàng năm khác, nhà ở và toàn bộ tài sản gắn liền quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 949749 do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 04/6/2015 cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L. Vị trí thửa đất: Thôn An Tiêm, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị tại tờ bản đồ số 07, thửa đất số 756 với diện tích 120m².

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L đã nhận đủ số tiền gốc cả 03 hợp đồng là 310.000.000 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 85.800.000 đồng. Hiện tại khoản vay đã quá hạn từ ngày 13/2/2017 nhưng phía ông C, bà L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, vi phạm hợp đồng tín dụng đã cam kết nên Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L trả toàn bộ số tiền gốc 224.200.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi tính đến ngày 03/4/2018 là 31.643.556 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 255.843.556 đồng.

- Tiếp tục trả khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả, theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày 04/4/2018 cho đến khi trả hết nợ vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam – Chi nhánh Quảng Trị.

- Trong trường hợp ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Phong kê biên, phát mãi, xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 110602/2015/HĐTC ngày 11/06/2015 để thu hồi nợ, tài sản thế chấp

gồm: Đất ở tại nông thôn, đất trồng cây hàng năm khác, nhà ở và toàn bộ tài sản gắn liền quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 949749 do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 04/6/2015 cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L, vị trí thửa đất tại thôn An Tiêm, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị, tại tờ bản đồ số 07, thửa đất số 756 diện tích 120 m².

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L đến hòa giải, xét xử nhưng ông C, bà L vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục Tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa; bị đơn không chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 Điều 466 Bộ luật dân sự: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L phải trả khoản tiền vay cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam, tính đến 03/4/2018 số tiền: 255.843.556 đồng (trong đó tiền gốc 224.200.000 đồng và tiền lãi 31.643.556 đồng). Trường hợp ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì căn cứ Điều 323 Bộ luật dân sự, Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong kê biên, phát mãi tài sản thế chấp.

Nguyên đơn chấp nhận chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi Tòa án nhân dân huyện Triệu Phong thụ lý vụ án ngày 23/10/2017, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L nhưng ông C, bà L không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 22/02/2018 Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa ngày 15/3/2018 nhưng ông C, bà L vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa và ấn định xét xử lại vào ngày 03 tháng 4 năm 2018. Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về áp dụng pháp luật để giải quyết: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam – Chi nhánh Quảng Trị với ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L được ký kết trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật.

Tuy nhiên, hợp đồng vẫn đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 nên áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 và Mục 5 Công văn số 152/TANDTC-PC ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân tối cao để áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án này.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L có ký kết 03 hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam – Chi nhánh Quảng Trị, cụ thể: Hợp đồng tín dụng số 110602/2015-HĐTD/NHCT 450 ngày 12/06/2015 với số tiền vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn để mua nhà ở, mức lãi suất 10,5%/năm; Hợp đồng tín dụng số 1902/2016-HĐTD/NHCT 450 ngày 19/02/2016 với số tiền vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay vốn để mua đồ dùng gia đình, mức lãi suất 10,5%/năm và Hợp đồng tín dụng số 2608/2016-HĐTD/NHCT 450 ngày 26/08/2016 với số tiền vay 40.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay vốn mua sắm thiết bị gia đình, mức lãi suất 10,5%/năm. Theo quy định tại Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 thì việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông C, bà L trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có hiệu lực pháp luật, do đó phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên ngay sau khi ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, ông C, bà L không trả đầy đủ khoản nợ theo cam kết trong hợp đồng nên ông C, bà L đã vi phạm các điều khoản của hợp đồng tín dụng đã ký kết về thanh toán phí, lãi suất và nợ gốc. Do đó, cần buộc ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L phải thanh toán khoản tiền gốc chưa thanh toán cho Ngân hàng. Đối với khoản tiền lãi, căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì lãi suất trong hạn theo thỏa thuận giữa các bên đã ký kết; trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L phải trả khoản nợ gốc còn nợ và khoản tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ, đúng pháp luật, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng số 110602/2015-HĐTD/NHCT450 ngày 12/06/2015 với số tiền vay 250.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 10,5%/năm. Quá trình vay, ông C và bà L mới trả 70.800.000 đồng; dư nợ là 170.200.000 đồng; đến ngày 13/2/2017, khoản tiền vay đã chuyển nợ quá hạn; Ngân hàng yêu cầu lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 15,75%/năm. Do đó, ông C, bà L còn phải trả nợ gốc 170.200.000 đồng, tiền lãi 24.192.278 đồng (lãi trong hạn 14.359.675, lãi quá hạn 9.832.603 đồng).

Hợp đồng tín dụng số 1902/2016-HĐTD/NHCT 450 ngày 19/02/2016 với số tiền vay 20.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 10,5%/năm. Quá trình vay, ông Chiến và bà Lựu mới trả 4.000.000 đồng; dư nợ là 16.000.000 đồng; đến ngày 13/2/2017, khoản tiền vay đã chuyển nợ quá hạn; Ngân hàng yêu cầu lãi suất trong hạn 10,1%/năm, lãi suất quá hạn 15,15%/năm. Do đó, ông C, bà L còn phải trả nợ gốc 16.000.000 đồng, tiền lãi 2.211.778 đồng (lãi trong hạn 2.042.388 đồng, lãi quá hạn 169.390 đồng).

Hợp đồng tín dụng số 2608/2016-HĐTD/NHCT 450 ngày 26/8/2016 với số tiền vay 40.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 10,5%/năm. Quá trình vay, ông C và bà L mới trả 2.000.000 đồng; dư nợ là 38.000.000 đồng; đến ngày 13/2/2017, khoản tiền vay đã chuyển nợ quá hạn; Ngân hàng yêu cầu lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 15,75%/năm. Do đó, ông C, bà L còn phải trả nợ gốc 38.000.000 đồng, tiền lãi 5.239.500 đồng (lãi trong hạn 4.117.750 đồng, lãi quá hạn 1.121.750 đồng).

Tổng cộng vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam – Chi nhánh Quảng Trị tính đến ngày 03/4/2018 số tiền gốc 224.200.000 đồng, số tiền lãi 31.643.556 đồng (lãi trong hạn 20.519.813 đồng, lãi quá hạn 11.123.743 đồng). Tổng cả gốc và lãi 255.843.556 đồng (làm tròn số 255.843.000 đồng).

Đối với hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo khoản tiền vay, giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam – Chi nhánh Quảng Trị với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 110602/2015/HĐTC ngày 11 tháng 6 năm 2015, tài sản thế chấp là nhà ở diện tích 100m² trên diện tích đất 120 m² tại thôn An Tiêm, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 949749 do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 04/6/2015 đứng tên Nguyễn Văn C và Nguyễn Thị L. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tài sản thế chấp là nhà ở diện tích 100m² trên diện tích đất 120 m² tại thôn An Tiêm, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị đã được Ủy ban nhân dân huyện Triệu Phong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 949749 ngày 04/6/2015 cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L nên là tài sản của vợ chồng ông C và bà L, do đó ông C, bà L đều có quyền tự định đoạt tài sản của mình. Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 110602/2015/HĐTC ngày 11 tháng 6 năm 2015 thì cả ông C và bà đều ký vào hợp đồng thế chấp, hợp đồng thế chấp đã được công chứng vào ngày 11/06/2015 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 12/06/2015 nên việc thế chấp tài sản đảm bảo đúng quy định tại Điều 317, khoản 1 Điều 318, Điều 319 Bộ luật dân sự năm 2015 do đó hợp đồng thế chấp tài sản số 110602/2015/HĐTC ngày 11 tháng 6 năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn, vào ngày 30/01/2018, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp, qua đo đạc đã xác định tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L tại thôn An Tiêm, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị gồm thửa đất có diện tích 120m², tại thửa đất số 756, tờ bản đồ số 07, ranh giới được xác định: Phía Bắc giáp đường bê tông có chiều rộng 06m, phía Nam giáp nhà ông Nguyễn Đức P, chiều rộng 06m; phía Đông giáp đất ông Phước có chiều dài 20m; phía Tây giáp đất ông Trần Đức T chiều dài 20m. Tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà xây bằng bê tông cốt thép, mái lợp tôn Brôximăng; tổng diện tích xây dựng 100m² hoàn toàn phù hợp với tài sản mà hai bên đã thế chấp. Như vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản số 110602/2015/HĐTC ngày 11 tháng 6 năm 2015 có hiệu lực pháp luật, nên trong trường hợp ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong phát mãi tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L theo Hợp đồng thế chấp tài sản số

110602/2015/HĐTC ngày 11/06/2015 để thu hồi nợ, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và ngôi nhà ở với tổng diện tích 120m² tại thửa đất số 756, tờ bản đồ số 07 tại thôn An Tiêm, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 949749 do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 04/6/2015, cấp cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L.

[4] Về chi phí thẩm định tại chỗ: Quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và đã chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.000.000 đồng. Tại phiên tòa, Ngân hàng chấp nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 2.000.000 đồng (đã nộp).

[5] Về án phí: Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Từ nhận xét trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463; Điều 465, Điều 466, khoản 1 Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 110602/2015-HĐTD/NHCT450 ngày 12/06/2015; Hợp đồng tín dụng số 1902/2016-HĐTD/NHCT450 ngày 19/02/2016 và Hợp đồng tín dụng số 2608/2016-HĐTD/NHCT 450 ngày 26/08/2016 với tổng số tiền gốc 224.200.000 đồng; tiền lãi 31.643.556 đồng (lãi trong hạn 20.519.813 đồng, lãi quá hạn 11.123.743 đồng). Tổng cộng khoản tiền gốc và lãi 255.843.000 đồng (đã làm tròn số).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất là các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 110602/2015-HĐTD/NHCT450 ngày 12/06/2015; Hợp đồng tín dụng số 1902/2016-HĐTD/NHCT450 ngày 19/02/2016 và Hợp đồng tín dụng số 2608/2016-HĐTD/NHCT450 ngày 26/08/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Áp dụng Điều 317, khoản 1 Điều 318; Điều 319; khoản 7 Điều 323; Điều 299 Bộ luật dân sự năm 2015: Hợp đồng thế chấp tài sản số 110602/2015/HĐTC ngày

11/6/2015 đã ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam – Chi nhánh Quảng Trị với ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L không thanh toán khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị phát mãi tài sản đã thế chấp của ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L là quyền sử dụng đất 120m² và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là nhà ở diện tích 100m² tại thửa đất số 756, tờ bản đồ 07, tại thôn An Tiêm, xã Triệu Thành, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 949749 do UBND huyện Triệu Phong cấp ngày 04/6/2015, cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị L phải chịu 12.792.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.057.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004199 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị (số tiền tạm ứng án phí do Chi nhánh Ngân hàng thương mại cổ phần C Quảng Trị nộp).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Triệu Phong;
- Chi cục THADS huyện Triệu Phong;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

Phan Hồng Phước

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ông Chiến, bà Lựu mới trả được 4.000.000 đồng; dư nợ gốc tính đến ngày 04/10/2017 là 16.000.000 đồng. Hợp đồng tín dụng số 2608/2016-HĐTD/NHCT 450 ngày 26/08/2016 với số tiền vay 40.000.000 đồng, ông Chiến, bà Lựu mới trả 2.000.000 đồng; dư nợ gốc tính đến ngày 04/10/2017 là 38.000.000 đồng. Như vậy, ông Nguyễn Văn Chiến và bà Nguyễn Thị Lựu còn nợ Ngân hàng số tiền gốc theo 03 hợp đồng tín dụng là 224.200.000 đồng. Cần buộc ông Chiến, bà Lựu phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam tổng cộng khoản tiền gốc là 224.000.000 đồng.

- Đối với khoản tiền lãi: Hợp đồng tín dụng số 110602/2015-HĐTD/NHCT 450 ngày 12/06/2015 với số tiền vay 250.000.000 đồng, Hợp đồng tín dụng số 1902/2016-HĐTD/NHCT 450 ngày 19/02/2016 với số tiền vay 20.000.000 đồng, Hợp đồng tín dụng số 2608/2016-HĐTD/NHCT 450 ngày 26/08/2016 với số tiền vay 40.000.000 đồng đã ký kết thì cả 03 hợp đồng trên hai bên đều thỏa thuận mức lãi suất 10,5%/năm. Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Khoản 1, 2 Điều 11 Quyết định 1627/2001/NHNN ngày 31/12/2001 và Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đều quy định tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất nên sự thỏa thuận về lãi suất giữa Ngân hàng và ông Chiến, bà Lựu là tự nguyện, phù hợp với nguyên tắc của Bộ luật dân sự và quy định của Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn và trong quá trình thực hiện hợp đồng. Do đó, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam yêu cầu ông Chiến, bà Lựu phải trả lãi trong hạn

theo lãi suất thỏa thuận là 10,5%/năm và 10,1 % là có căn cứ. Đối với lãi suất quá hạn: Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 13 Thông tư 39/2016TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thông đốc ngân hàng Nhà nước quy định “Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cơ vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn”. Cụ thể, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn như sau:

* Đối với Hợp đồng tín dụng số 110602/2015-HĐTD/NHCT 450 ngày 12/06/2015 với số tiền vay 250.000.000 đồng, nợ gốc còn lại là 170.200.000 đồng. Ông Chiến, bà Lựu vi phạm hợp đồng ngày 12/01/2017, do đó:

Nợ lãi trong hạn:

- Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 20/2/2017 số tiền gốc 25.200.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 1.261.097 đồng.
- Từ ngày 20/02/2017 đến ngày 20/3/2017 số tiền gốc 29.400.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 28 ngày là 1.106.062 đồng.
- Từ ngày 20/3/2017 đến ngày 20/4/2017 số tiền gốc 33.600.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 1.188.041 đồng.
- Từ ngày 20/4/2017 đến ngày 20/5/2017 số tiền gốc 37.800.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 30 ngày là 1.261.097 đồng.
- Từ ngày 20/5/2017 đến ngày 20/6/2017 số tiền gốc 42.000.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 1.14.367 đồng.
- Từ ngày 20/6/2017 đến ngày 20/7/2017 số tiền gốc 46.200.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 30 ngày là 1.043.667 đồng.
- Từ ngày 20/7/2017 đến ngày 20/8/2017 số tiền gốc 50.400.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 1.041.927 đồng.
- Từ ngày 20/8/2017 đến ngày 20/9/2017 số tiền gốc 54.600.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 1.005.399 đồng.
- Từ ngày 20/9/2017 đến ngày 20/10/2017 số tiền gốc 58.800.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 30 ngày là 937.617 đồng.
- Từ ngày 20/10/2017 đến ngày 20/11/2017 số tiền gốc 63.000.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 932.342 đồng.
- Từ ngày 20/11/2017 đến ngày 20/12/2017 số tiền gốc 67.200.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 866.917 đồng.
- Từ ngày 20/12/2017 đến ngày 20/01/2018 số tiền gốc 71.400.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 859.286 đồng.
- Từ ngày 20/01/2018 đến ngày 20/2/2018 số tiền gốc 75.600.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 822.757 đồng.
- Từ ngày 20/02/2018 đến ngày 03/4/2018 số tiền gốc 79.800.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 42 ngày là 1.065.213 đồng.

Nợ lãi quá hạn:

- Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 20/2/2017 số tiền gốc 25.200.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 328.755 đồng.
- Từ ngày 20/02/2017 đến ngày 20/3/2017 số tiền gốc 29.400.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 28 ngày là 346.430 đồng.

- Từ ngày 20/3/2017 đến ngày 20/4/2017 số tiền gốc 33.600.000 đồng x 15.55%/365 ngày x 31 ngày là 438.340 đồng.
- Từ ngày 20/4/2017 đến ngày 20/5/2017 số tiền gốc 37.800.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 30 ngày là 477.255 đồng.
- Từ ngày 20/5/2017 đến ngày 20/6/2017 số tiền gốc 42.000.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 547.925 đồng.
- Từ ngày 20/6/2017 đến ngày 20/7/2017 số tiền gốc 46.200.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 30 ngày là 583.275 đồng.
- Từ ngày 20/7/2017 đến ngày 20/8/2017 số tiền gốc 50.400.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 657.510 đồng.
- Từ ngày 20/8/2017 đến ngày 20/9/2017 số tiền gốc 54.600.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 712.303 đồng.
- Từ ngày 20/9/2017 đến ngày 20/10/2017 số tiền gốc 58.800.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 30 ngày là 742.350 đồng.
- Từ ngày 20/10/2017 đến ngày 20/11/2017 số tiền gốc 63.000.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 821.888 đồng.
- Từ ngày 20/11/2017 đến ngày 20/12/2017 số tiền gốc 67.200.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 866.917 đồng.
- Từ ngày 20/12/2017 đến ngày 20/01/2018 số tiền gốc 71.400.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 848.400 đồng.
- Từ ngày 20/01/2018 đến ngày 20/2/2018 số tiền gốc 75.600.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 931.473 đồng.
- Từ ngày 20/02/2018 đến ngày 03/4/2018 số tiền gốc 79.800.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 42 ngày là 11.065.213 đồng.
- Từ ngày 20/02/2018 đến ngày 03/4/2018 số tiền gốc 79.800.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 42 ngày là 1.410.465 đồng.

Như vậy, lãi suất trong hạn 14.359.675 đồng, lãi suất quá hạn 9.832.603 đồng.

* Đối với Hợp đồng tín dụng số 1902/2016-HĐTD/NHCT 450 ngày 19/02/2016 với số tiền vay 20.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ là 16.000.000 đồng. Ông Chiến, bà lưu vi phạm hợp đồng ngày 20/1/2017, do đó:

Nợ lãi trong hạn:

- Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 20/2/2017 số tiền gốc 8.000.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 109.585 đồng.
- Từ ngày 20/02/2017 đến ngày 20/3/2017 số tiền gốc 8.400.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 28 ngày là 103.693 đồng.
- Từ ngày 20/3/2017 đến ngày 20/4/2017 số tiền gốc 8.800.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 120.022 đồng.
- Từ ngày 20/4/2017 đến ngày 20/5/2017 số tiền gốc 9.200.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 30 ngày là 121.200 đồng.
- Từ ngày 20/5/2017 đến ngày 20/6/2017 số tiền gốc 9.600.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 130.458 đồng.
- Từ ngày 20/6/2017 đến ngày 20/7/2017 số tiền gốc 10.000.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 30 ngày là 131.300 đồng.

- Từ ngày 20/7/2017 đến ngày 20/8/2017 số tiền gốc 10.400.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 140.895 đồng.
- Từ ngày 20/8/2017 đến ngày 20/9/2017 số tiền gốc 10.800.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 146.113 đồng.
- Từ ngày 20/9/2017 đến ngày 20/10/2017 số tiền gốc 11.200.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 30 ngày là 146.450 đồng.
- Từ ngày 20/10/2017 đến ngày 20/11/2017 số tiền gốc 11.600.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 155.550 đồng.
- Từ ngày 20/11/2017 đến ngày 20/12/2017 số tiền gốc 12.000.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 156.550 đồng.
- Từ ngày 20/12/2017 đến ngày 20/01/2018 số tiền gốc 12.400.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 156.550 đồng.
- Từ ngày 20/01/2018 đến ngày 20/02/2018 số tiền gốc 12.800.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 166.987 đồng.
- Từ ngày 20/02/2018 đến ngày 03/4/2017 số tiền gốc 13.200.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 172.205 đồng.
- Từ ngày 20/12/2017 đến ngày 20/01/2018 số tiền gốc 12.400.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 156.550 đồng.

Nợ lãi quá hạn:

- Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 20/2/2017 số tiền gốc 25.200.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 328.755 đồng.
- Từ ngày 20/02/2017 đến ngày 20/3/2017 số tiền gốc 29.400.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 28 ngày là 346.430 đồng.
- Từ ngày 20/3/2017 đến ngày 20/4/2017 số tiền gốc 33.600.000 đồng x 15.55%/365 ngày x 31 ngày là 438.340 đồng.
- Từ ngày 20/4/2017 đến ngày 20/5/2017 số tiền gốc 37.800.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 30 ngày là 477.255 đồng.
- Từ ngày 20/5/2017 đến ngày 20/6/2017 số tiền gốc 42.000.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 547.925 đồng.
- Từ ngày 20/6/2017 đến ngày 20/7/2017 số tiền gốc 46.200.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 30 ngày là 583.275 đồng.
- Từ ngày 20/7/2017 đến ngày 20/8/2017 số tiền gốc 50.400.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 657.510 đồng.
- Từ ngày 20/8/2017 đến ngày 20/9/2017 số tiền gốc 54.600.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 712.303 đồng.
- Từ ngày 20/9/2017 đến ngày 20/10/2017 số tiền gốc 58.800.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 30 ngày là 742.350 đồng.
- Từ ngày 20/10/2017 đến ngày 20/11/2017 số tiền gốc 63.000.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 821.888 đồng.
- Từ ngày 20/11/2017 đến ngày 20/12/2017 số tiền gốc 67.200.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 866.917 đồng.
- Từ ngày 20/12/2017 đến ngày 20/01/2018 số tiền gốc 71.400.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 848.400 đồng.

- Từ ngày 20/01/2018 đến ngày 20/2/2018 số tiền gốc 75.600.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 931.473 đồng.
- Từ ngày 20/02/2018 đến ngày 03/4/2018 số tiền gốc 79.800.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 42 ngày là 11.065.213 đồng.
- Từ ngày 20/02/2018 đến ngày 03/4/2018 số tiền gốc 79.800.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 42 ngày là 1.410.465 đồng.

Như vậy, lãi suất trong hạn 4.117.750 đồng, lãi suất quá hạn 1.121.750 đồng.

* Đối với Hợp đồng tín dụng số 2608/2016-HĐTD/NHCT 450 ngày 26/08/2016 với số tiền vay 40.000.000 đồng, số tiền gốc còn nợ là 38.000.000 đồng. Ông Chiến, bà Lựu vi phạm hợp đồng ngày 19/01/2017, do đó:

Nợ lãi trong hạn:

- Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 20/2/2017 số tiền gốc 25.200.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 1.261.097 đồng.
- Từ ngày 20/02/2017 đến ngày 20/3/2017 số tiền gốc 29.400.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 28 ngày là 1.106.062 đồng.
- Từ ngày 20/3/2017 đến ngày 20/4/2017 số tiền gốc 33.600.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 1.188.041 đồng.
- Từ ngày 20/4/2017 đến ngày 20/5/2017 số tiền gốc 37.800.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 30 ngày là 1.261.097 đồng.
- Từ ngày 20/5/2017 đến ngày 20/6/2017 số tiền gốc 42.000.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 1.14.367 đồng.
- Từ ngày 20/6/2017 đến ngày 20/7/2017 số tiền gốc 46.200.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 30 ngày là 1.043.667 đồng.
- Từ ngày 20/7/2017 đến ngày 20/8/2017 số tiền gốc 50.400.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 1.041.927 đồng.
- Từ ngày 20/8/2017 đến ngày 20/9/2017 số tiền gốc 54.600.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 1.005.399 đồng.
- Từ ngày 20/9/2017 đến ngày 20/10/2017 số tiền gốc 58.800.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 30 ngày là 937.617 đồng.
- Từ ngày 20/10/2017 đến ngày 20/11/2017 số tiền gốc 63.000.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 932.342 đồng.
- Từ ngày 20/11/2017 đến ngày 20/12/2017 số tiền gốc 67.200.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 866.917 đồng.
- Từ ngày 20/12/2017 đến ngày 20/01/2018 số tiền gốc 71.400.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 859.286 đồng.
- Từ ngày 20/01/2018 đến ngày 20/2/2018 số tiền gốc 75.600.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 31 ngày là 822.757 đồng.
- Từ ngày 20/02/2018 đến ngày 03/4/2018 số tiền gốc 79.800.000 đồng x 10.5%/365 ngày x 42 ngày là 1.065.213 đồng.

Nợ lãi quá hạn:

- Từ ngày 20/01/2017 đến ngày 20/2/2017 số tiền gốc 25.200.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 328.755 đồng.

- Từ ngày 20/02/2017 đến ngày 20/3/2017 số tiền gốc 29.400.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 28 ngày là 346.430 đồng.
- Từ ngày 20/3/2017 đến ngày 20/4/2017 số tiền gốc 33.600.000 đồng x 15.55%/365 ngày x 31 ngày là 438.340 đồng.
- Từ ngày 20/4/2017 đến ngày 20/5/2017 số tiền gốc 37.800.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 30 ngày là 477.255 đồng.
- Từ ngày 20/5/2017 đến ngày 20/6/2017 số tiền gốc 42.000.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 547.925 đồng.
- Từ ngày 20/6/2017 đến ngày 20/7/2017 số tiền gốc 46.200.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 30 ngày là 583.275 đồng.
- Từ ngày 20/7/2017 đến ngày 20/8/2017 số tiền gốc 50.400.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 657.510 đồng.
- Từ ngày 20/8/2017 đến ngày 20/9/2017 số tiền gốc 54.600.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 712.303 đồng.
- Từ ngày 20/9/2017 đến ngày 20/10/2017 số tiền gốc 58.800.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 30 ngày là 742.350 đồng.
- Từ ngày 20/10/2017 đến ngày 20/11/2017 số tiền gốc 63.000.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 821.888 đồng.
- Từ ngày 20/11/2017 đến ngày 20/12/2017 số tiền gốc 67.200.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 866.917 đồng.
- Từ ngày 20/12/2017 đến ngày 20/01/2018 số tiền gốc 71.400.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 848.400 đồng.
- Từ ngày 20/01/2018 đến ngày 20/2/2018 số tiền gốc 75.600.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 31 ngày là 931.473 đồng.
- Từ ngày 20/02/2018 đến ngày 03/4/2018 số tiền gốc 79.800.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 42 ngày là 11.065.213 đồng.
- Từ ngày 20/02/2018 đến ngày 03/4/2018 số tiền gốc 79.800.000 đồng x 15.75%/365 ngày x 42 ngày là 1.410.465 đồng.

Như vậy, lãi suất trong hạn 2.042.388 đồng, lãi suất quá hạn 9.832.603 đồng.

